

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀM TÂN  
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-ST

Ngày: 16/11/2023

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM TÂN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Đình Khương

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đình Huân và bà Trà Thị Thanh Hoa.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Võ Chí Công – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân.

*Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân tham gia phiên tòa:*  
Ông Nguyễn Xuân Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 10 năm 2023, đối với bị cáo:

Lương Văn T (tên gọi khác: không), sinh năm: 1990; tại Bình Thuận;

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Nghề nghiệp: Sửa điện thoại; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam.

- Cha: Lương Văn T1, sinh năm: 1970 và mẹ: Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình.

Hiện đang sống cùng cha tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- Vợ, con: chưa có.

- Tiền án, tiền sự: không

- Nhân thân:

+ Tại Quyết định số 112/QĐ- UB ngày 12/9/2002 của Ủy ban nhân dân tỉnh B, Lương Văn T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 17/6/2004.

+ Tại Quyết định số 1534/QĐ-CT.UB.HTB ngày 12/5/2005 của Chủ tịch UBND huyện H, tỉnh Bình Thuận, Lương Văn T bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng với thời hạn 24 tháng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong ngày 12/5/2007.

+ Tại Bản án Hình sự Sơ thẩm số 44/2008/HSST ngày 24/4/2008 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, [Lương Văn T](#) bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án Hình sự Sơ thẩm số 82/2008/HSST ngày 11/6/2008 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, [Lương Văn T](#) bị xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp với hình phạt của Bản án Hình sự Sơ thẩm số 44/2008/HSST ngày 24/4/2008 nêu trên, [T](#) phải chấp hành hình phạt chung là 15 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/02/2009, đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án Hình sự Sơ thẩm số 25/2010/HSST ngày 23/3/2010 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận, [Lương Văn T](#) bị xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án Hình sự Sơ thẩm số 74/2010/HSST ngày 18/5/2010 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, [Lương Văn T](#) bị xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp với hình phạt của Bản án Hình sự Sơ thẩm số 25/2010/HSST ngày 23/3/2010 nêu trên, [T](#) phải chấp hành hình phạt chung là 39 tháng tù. Đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án Hình sự Sơ thẩm số 57/2010/HSST ngày 14/6/2010 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận, [Lương Văn T](#) bị xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tổng hợp với hình phạt của Bản án Hình sự Sơ thẩm số 74/2010/HSST ngày 18/5/2010 nêu trên, [T](#) phải chấp hành hình phạt chung là 63 tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/02/2015, đã được xóa án tích.

+ Tại Bản án Hình sự Sơ thẩm số 134/2016/HSST ngày 18/8/2016 của Tòa án nhân dân TP. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận, [Lương Văn T](#) bị xử phạt 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2020, đã được xóa án tích.

[Lương Văn T](#) bị bắt giam từ ngày 31/01/2023. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an TX. La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

\* **Bị hại:** Bà [Lê Thị Ngọc Đ](#), sinh năm: 1982. Địa chỉ: [Khu phố A, thị Trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận](#). (vắng mặt)

\* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ có liên quan:** Ông [Ngô Minh T2](#), sinh năm: 1993. Địa chỉ: [Thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh Bình Thuận](#). (vắng mặt)

\* **Người làm chứng:** Bà [Nguyễn Hoàng N](#), sinh năm: 1982. Địa chỉ: [Khu phố A, thị Trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận](#). (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 30/01/2023, Lương Văn T điều khiển xe mô tô biển số 86H5-8584 đến thị trấn T, huyện H tìm người bạn tên Đ1 (không rõ nhân thân, lai lịch) để mượn tiền nhưng không gặp được Đ1 nên T đi về. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, khi đến khu phố A, thị trấn T, huyện H, T vào quán cà phê vông của chị Lê Thị Ngọc Đ uống nước. Qua hỏi chuyện, T biết chị Đ là gái mại dâm nên hỏi mua dâm, hai bên thỏa thuận thống nhất với nhau việc mua bán dâm với giá 300.000 đồng rồi chị Đ dẫn T vào phòng ngủ bên trong quán để thực hiện việc mua bán dâm. Lúc này, thấy trong quán chỉ có mình chị Đ nên T nảy sinh ý định cướp tài sản của chị Đ. Thực hiện ý đồ trên, T đi ra mở cốp xe mô tô biển số 86H5-8584 lấy 01 con dao (loại dao thái lan) cất giấu vào túi quần dài đang mặc trên người rồi vô lại phòng ngủ thực hiện hành vi giao cấu với chị Đ. Sau khi giao cấu xong, cả hai mặc đồ vào thì T rút con dao trong túi quần ra kề vào cổ chị Đ hăm dọa, khống chế chiếm đoạt của chị Đ số tiền 1.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno3, trong lúc khống chế chị Đ thì T yêu cầu chị Đ đọc mật khẩu màn hình mở điện thoại Oppo nêu trên nên chị Đ đọc mật khẩu cho T, sau đó T ra lấy xe mô tô 86H5-8584 điều khiển chạy thoát về hướng P. Khi đến cầu C thuộc TP ., T ném con dao gây án xuống sông rồi đến tiệm cầm đồ của anh Ngô Minh T2 tại số A, đường Đ, phường X, TP . hỏi cầm cố điện thoại Oppo vừa cướp được của chị Đ, anh T2 hỏi mật khẩu mở màn hình của điện thoại này thì Tân đọc đúng mật khẩu nên anh T2 nghĩ điện thoại này của T rồi nhận cầm cố với giá 1.500.000 đồng. Sau đó, T sử dụng số tiền trên đi đánh bạc nhưng bị thua (còn lại 1.000.000 đồng) nên nảy sinh ý định quay lại cướp tiếp tài sản của chị Đ để có tiền đánh bạc.

Thực hiện ý đồ trên, chiều ngày 30/01/2023, T điều khiển xe mô tô biển số 86H5-8584 chạy đến quán cà phê của chị Đ nhằm cướp tài sản. Khoảng 17 giờ cùng ngày, khi đến nơi, T gặp chị Đ đang đóng cửa công để đi công việc, thấy chị Đ chỉ có một mình, T liền đe dọa, buộc chị Đ mở cửa vào lại trong quán. Sau đó, T hù dọa có mang theo súng (nhưng thực chất T không có súng), bảo chị Đ đưa cho T số tiền 2.000.000 đồng và không được báo Công an. Không dám chống cự và cũng không còn tiền nên chị Đ gọi điện thoại cho bạn là chị Nguyễn Hoàng N, sinh năm 1982 (trú tại khu phố A, TT. T, huyện H) bảo đến quán và đem theo 2.000.000 đồng cho chị Đ mượn nhưng chị N không nghe rõ và không biết chị Đ đang bị T khống chế nên chị N đi một mình và không mang theo tiền. Khoảng 05 phút sau, chị N vừa đến thì T tới hăm dọa, buộc chị N đi vào trong quán, không được tri hô nếu không sẽ dùng súng bắn, T đóng cửa công lại rồi yêu cầu chị N đưa 2.000.000 đồng nhưng chị N không có tiền nên T bảo chị Đ mượn tiền người khác đưa cho T thì chị Đ mượn điện thoại của chị N gọi điện cho bạn là anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1990 (tên gọi khác là B, trú tại Q, Q, Thanh Hóa) hỏi mượn 2.000.000 đồng thì anh T3 đồng ý nhưng không biết sự việc chị Đ bị T khống chế cướp tài sản, anh T3 chuyển khoản 2.000.000 đồng qua số tài khoản ngân hàng của Lương Văn T (do T đọc số tài khoản của mình cho chị Đ cung cấp cho anh T3 chuyển tiền). Sau khi thấy tiền đã được chuyển vào tài khoản của mình thì T mở cửa công cho chị N ra về, cùng lúc này,

chồng chị N là anh Huỳnh Tấn P đến tìm chị N, T liền lấy xe mô tô 86H5-8584 chạy thoát về hướng P. Khi đến trụ ATM của ngân hàng A tại xã H, huyện H, T vào dùng thẻ ATM của mình rút lấy số tiền 2.000.000 đồng anh T3 vừa chuyển nêu trên rồi về nhà. Đến sáng ngày 31/01/2023, chị Đ đến Công an T4 trình báo sự việc. Qua truy xét, biết được đối tượng gây án là Lương Văn T nên tối ngày 31/01/2023, Công an huyện H phối hợp cùng Công an xã H, huyện H bắt giữ T đưa về trụ sở làm việc thì T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo bản Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 07/02/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện H kết luận thì điện thoại di động hiệu Oppo Reno3 tại thời điểm Lương Văn T chiếm đoạt có giá trị 2.400.000 đồng.

**\* Vật chứng thu giữ của vụ án gồm:**

+ Số tiền 3.000.000 đồng (là tiền T chiếm đoạt của bà Đ mà có). Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho bà Lê Thị Ngọc Đ.

+ 01 xe mô tô biển số 86H5-8584, xe này Tân mượn của ông Võ Văn K, sinh năm 1982 (trú tại thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Bình Thuận). Do ông K không biết T mượn xe dùng vào việc phạm tội nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho ông K.

+ 01 tờ giấy Hợp đồng cầm đồ (được đưa vào hồ sơ vụ án).

+ 01 điện thoại di động hiệu Masstel, 01 thẻ AMT và 02 bộ đồ Tân mặc lúc gây án. Do đây là tài sản của T nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho T.

- Thu giữ của anh Ngô Minh T2:

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno3, đây là điện thoại của bà Đ bị Lương Văn T chiếm đoạt. Cơ quan CSĐT Công an huyện H đã trả lại cho bà Lê Thị Ngọc Đ.

+ 01 tờ giấy Hợp đồng cầm đồ (được đưa vào hồ sơ vụ án).

Đối với con dao Lương Văn T sử dụng gây án, do T vứt bỏ xuống sông nên Cơ quan CSĐT Công an huyện H không thu giữ được.

**\* Về phần dân sự:** Bà Lê Thị Ngọc Đ và anh Ngô Minh T2 không yêu cầu Lương Văn T bồi thường gì thêm.

Tại bản cáo trạng số: 66/CT-VKS ngày 11 tháng 10 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận truy tố bị cáo Lương Văn T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân giữ quyền công tố luận tội và đã phân tích hành vi phạm tội đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Lương Văn T phạm tội “Cướp tài sản” như nội dung Cáo trạng, đồng thời xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo [Lương Văn T](#) từ 08 năm tù đến 09 năm tù.

- Vật chứng thu giữ gồm: Cơ quan CSĐT [Công an huyện H](#) đã trả lại cho các chủ sở hữu.

- Về phần dân sự: Bà [Lê Thị Ngọc Đ](#) và anh [Ngô Minh T2](#) không yêu cầu [Lương Văn T](#) bồi thường gì thêm.

\* Ý kiến của bị cáo: Không tranh luận và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Điều tra [Công an huyện H](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại là bà [Lê Thị Ngọc Đ](#) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông [Ngô Minh T2](#). Tuy nhiên, bà [Đ](#) và ông [T2](#) đã có trình bày lời khai, không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự nên sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử.

3] Tại phiên tòa, bị cáo [Lương Văn T](#) đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu; Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, đủ cơ sở xác định: Bị cáo [Lương Văn T](#) là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và biết rõ hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực hoặc có hành vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật; Thế nhưng, với bản chất tham lam, tư lợi, thích ăn chơi và lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên bị cáo đã sử dụng dao và đe dọa dùng súng để khống chế, chiếm đoạt của bà [Đ](#) số tiền 3.000.000 đồng và 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 3 trị giá 2.400.000 đồng. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo [Lương Văn T](#) đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Tân truy tố bị cáo [Lương Văn T](#) về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[4] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản công dân được pháp luật bảo vệ. Hành vi này không chỉ vi phạm pháp luật mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Ngay

trong ngày 30/01/2023, bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi cướp tài sản nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, nhiều lần vi phạm pháp luật và đã bị xử lý hành chính đưa vào trường giáo dưỡng cũng như chấp hành hình phạt tù nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật của bản thân mà còn tiếp tục hành vi vi phạm pháp luật rất nghiêm trọng. Do đó, Hành vi phạm tội của bị cáo đã thể hiện sự bất chấp quy định, xem thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Do nên Hội đồng xét xử cần xử lý nghiêm khắc nhằm góp phần răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Vật chứng thu giữ gồm: Trong quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT [Công an huyện H](#) đã xử lý vật chứng, trả lại cho các chủ sở hữu. Riêng con dao mà [Lương Văn T](#) sử dụng gây án thì bị cáo đã Tân vớt bỏ xuống sông nên Cơ quan CSĐT [Công an huyện H](#) không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về phần dân sự: Bà [Lê Thị Ngọc Đ](#) và anh [Ngô Minh T2](#) không yêu cầu [Lương Văn T](#) bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Bị cáo [Lương Văn T](#) phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

**1. Tuyên bố:** bị cáo [Lương Văn T](#) phạm tội: “Cướp tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo [Lương Văn T](#) 08 (tám) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt được tính từ ngày 31/01/2023.

**2. Án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo [Lương Văn T](#) phải nộp 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

**3. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai, báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- VKSND tỉnh BT;
- VKSND, CA huyện Hàm Tân;
- Cơ quan THAHS tỉnh Bình Thuận;
- Nhà tạm giữ CA huyện Hàm Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Chi cục THADS Hàm Tân;
- UBND địa phương bị cáo cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Đình Khương**